

BÀN VỀ HIỆU QUẢ KINH DOANH CỦA CÁC DOANH NGHIỆP KHAI THÁC THAN VIỆT NAM

● PHẠM THU TRANG

TÓM TẮT:

Bài báo đã tiến hành phân tích làm rõ các quan điểm hiệu quả kinh doanh (HQKD) hiện nay theo 3 cách tiếp cận khác nhau (tiếp cận từ góc độ tài chính, tiếp cận từ góc độ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và tiếp cận từ góc độ tích hợp hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội) nhằm làm cơ sở để xuất quan điểm HQKD phù hợp với các doanh nghiệp khai thác than Việt Nam. Sau khi phân tích đặc điểm của các doanh nghiệp khai thác than tác động như thế nào tới cách tiếp cận quan điểm HQKD, bài báo đã đề xuất và làm rõ quan điểm HQKD phù hợp với các doanh nghiệp khai thác than Việt Nam. Quan điểm HQKD của các doanh nghiệp khai thác than Việt Nam được bài báo tiếp cận theo góc độ tích hợp hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội.

Từ khóa: Hiệu quả kinh doanh, doanh nghiệp khai thác than.

1. Đặt vấn đề

Quan điểm HQKD được các nghiên cứu trước đây tiếp cận theo nhiều góc độ khác nhau. Mỗi quan điểm HQKD sẽ kéo theo những hành vi khác nhau trong quá trình quản lý, điều hành và hoạt động của doanh nghiệp nhằm đạt được HQKD. Chính vì vậy, việc xác định quan điểm HQKD phù hợp là vô cùng quan trọng với mỗi doanh nghiệp. Tuy nhiên, tác giả chưa tìm thấy nghiên cứu nào đưa ra quan điểm về HQKD của các doanh nghiệp khai thác than phù hợp với các đặc thù của các doanh nghiệp này. Bài báo được thực hiện để tìm ra quan điểm HQKD phù hợp với đặc điểm các doanh nghiệp khai thác than Việt Nam thông qua làm rõ hai vấn đề: (1) hiện nay đang tồn tại những quan điểm nào về HQKD; (2) đặc điểm của các

doanh nghiệp khai thác than ảnh hưởng như thế nào tới cách tiếp cận quan điểm về HQKD

2. Quan điểm về hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp

Hiện nay, tồn tại rất nhiều quan điểm về HQKD của doanh nghiệp. Khi nghiên cứu các quan điểm về HQKD, quan điểm HQKD thường được tiếp cận theo 3 góc độ: HQKD tiếp cận từ góc độ tài chính doanh nghiệp, HQKD tiếp cận từ góc độ hoạt động của doanh nghiệp và HQKD tiếp cận từ góc độ tích hợp hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội của doanh nghiệp.

2.1. Hiệu quả kinh doanh tiếp cận từ góc độ tài chính doanh nghiệp

Từ điển tiếng Anh của Oxford (OED) đã đưa ra khái niệm HQKD là: “khả năng sinh lời của một

hoạt động đầu tư, trong tương quan với các cơ hội đầu tư khác” (Folan và công sự (2007)). Đồng tình với khái niệm đồng nhất HQKD với khả năng sinh lời, hay khả năng tạo ra giá trị này, Mai Văn Bưu (2001) cũng công nhận “HQKD đơn thuần là hiệu quả tài chính của doanh nghiệp”. Như vậy, HQKD theo quan điểm này được hiểu là: “HQKD là khả năng tạo ra giá trị của doanh nghiệp, bằng cách sản xuất hàng hóa và dịch vụ đem lại giá trị lớn hơn chi phí cho các nguồn lực để sản xuất ra khối lượng hàng hóa và dịch vụ đó”.

Hiện nay, hầu hết các nhà kinh tế đều công nhận hiệu quả tài chính là một nội dung quan trọng của HQKD, nhưng để tồn tại và phát triển trong môi trường cạnh tranh biến động không ngừng hiện nay, việc chỉ xem xét đánh giá hiệu quả tài chính là chưa đủ để doanh nghiệp cải tiến tổ chức hoạt động kinh doanh của mình nhằm đạt mục tiêu tồn tại và phát triển bền vững. Chính vì vậy, quan điểm này về HQKD hiện nay không còn phổ biến nữa. Quan điểm đồng nhất HQKD với hiệu quả tài chính giờ chỉ còn phù hợp với những doanh nghiệp siêu nhỏ trong một môi trường kinh doanh ổn định, theo đó các nhà quản lý có thể nắm bắt dễ dàng tình hình của doanh nghiệp.

2.2. Hiệu quả kinh doanh tiếp cận từ góc độ hoạt động của doanh nghiệp

Tác giả Bùi Xuân Phong (1999) cho rằng, “HQKD là một phạm trù kinh tế phản ánh trình độ sử dụng các nguồn nhân tài, vật lực của doanh nghiệp để đạt được kết quả cao nhất trong quá trình kinh doanh với tổng chi phí nhỏ nhất.” Nhiều tác giả khác như Nguyễn Thị Mai Hương (2008), Nguyễn Văn Công (2009), Nguyễn Thị Thanh Hải (2013)... cũng đồng tình với quan điểm này. Quan điểm này định hướng các doanh nghiệp xem xét HQKD không chỉ từ khía cạnh tài chính, mà còn xem xét HQKD từ các khía cạnh khác như lao động, công nghệ, tài nguyên... Theo quan điểm này, HQKD được xác định bằng cách so sánh kết quả đạt được với chi phí bỏ ra.

Cũng với cách tiếp cận HQKD từ góc độ hoạt động của doanh nghiệp, cho rằng HQKD phản ánh trình độ sử dụng nguồn nhân lực, vật lực của doanh nghiệp. Nhưng không hoàn toàn đồng tình với việc cho rằng HQKD được xác định bằng cách so sánh

kết quả đạt được với chi phí bỏ ra mà nhấn mạnh HQKD được hiểu trước tiên là việc hoàn thành mục tiêu, Dương Văn Chung (2003) đã đưa ra quan điểm: “HQKD là một phạm trù kinh tế biểu hiện tập trung của sự phát triển kinh tế theo chiều sâu, phản ánh trình độ khai thác nguồn lực và trình độ chi phí các nguồn lực đó trong quá trình tái sản xuất nhằm thực hiện mục tiêu kinh doanh”. Rất nhiều nhà nghiên cứu cũng đồng tình với quan điểm của Dương Văn Chung (2003), ví dụ như: Nguyễn Thành Độ, Nguyễn Ngọc Huyền (2001); Phạm Ngọc Kiểm (2002; Nguyễn Thị Minh An (2003); Nguyễn Văn Tạo (2004); Siti Nur Atikah Zulkifli (2014)...

Quan điểm HQKD tiếp cận từ góc độ hoạt động của doanh nghiệp định hướng doanh nghiệp tập trung vào việc tìm kiếm lợi ích cho doanh nghiệp mà không quan tâm tới việc hài hòa với lợi ích chung của xã hội. Quan điểm HQKD tiếp cận từ góc độ hoạt động của doanh nghiệp được nhiều nhà nghiên cứu quan tâm ủng hộ vì đã giúp định hướng nhiều doanh nghiệp đánh giá HQKD, để từ đó tìm ra những biện pháp hữu hiệu nhằm cải tiến hoạt động của doanh nghiệp. Tuy nhiên, quan điểm này không phù hợp với những doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp xã hội. Nguyên nhân là do: các doanh nghiệp nhà nước bên cạnh việc gia tăng lợi ích cho doanh nghiệp và các cổ đông, các doanh nghiệp này còn phải thực hiện những nhiệm vụ nhà nước giao phó với những mục tiêu hướng tới việc đảm bảo lợi ích chung của nền kinh tế, lợi ích của cộng đồng, khách hàng hay nhà cung ứng; các doanh nghiệp xã hội thì tập trung chủ yếu vào việc tạo ra lợi ích cho cộng đồng.

2.3. Hiệu quả kinh doanh tiếp cận từ góc độ tích hợp hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội

Kể từ đầu thế kỷ 21, vai trò của doanh nghiệp đối với xã hội đã được nhìn nhận nhiều hơn và quan điểm tiếp cận HQKD từ góc độ tích hợp hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội ngày càng phổ biến hơn. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VIII ghi rõ: “lấy suất sinh lợi của tiền vốn là tiêu chuẩn chủ yếu đánh giá hiệu quả sản xuất kinh doanh trong các doanh nghiệp kinh doanh, lấy kết quả thực hiện các chính sách xã hội làm tiêu chuẩn

chủ yếu để đánh giá hiệu quả của doanh nghiệp". Đồng tình với quan điểm này, nhiều nhà kinh tế sau khi đưa ra khái niệm HQKD giống như các nhà kinh tế tiếp cận quan điểm HQKD từ góc độ hoạt động của doanh nghiệp, đã nhấn mạnh thêm "HQKD của doanh nghiệp được coi là tối ưu nhất khi kết hợp hài hòa giữa hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội" [Nguyễn Ngọc Tiến (2015), Nguyễn Thị Mai Hương (2008)]. Như vậy, HQKD theo quan điểm này có thể được hiểu là: HQKD là một phạm trù phản ánh trình độ khai thác nguồn lực và trình độ chi phí các nguồn lực đó trong quá trình kinh doanh nhằm đạt được các mục tiêu kinh tế - xã hội của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định... Theo quan điểm này, doanh nghiệp hoạt động có hiệu quả cần tìm kiếm không chỉ lợi ích cho riêng doanh nghiệp mà còn cần tìm kiếm lợi ích cho cộng đồng và các bên liên quan trong quá trình thực hiện các hoạt động kinh doanh. Việc đánh giá HQKD của doanh nghiệp theo quan điểm này không chỉ giúp doanh nghiệp tập trung cải tiến những yếu tố ảnh hưởng tới HQKD bên trong doanh nghiệp mà còn bao quát được cả những nhân tố bên ngoài ảnh hưởng tới HQKD của doanh nghiệp, thúc đẩy HQKD của chính bản thân doanh nghiệp, góp phần thúc đẩy chuỗi cung ứng mà doanh nghiệp là một phần trong đó, cũng như thúc đẩy nền kinh tế phát triển bền vững. Tuy nhiên, do tính phức tạp trong xác định tiêu chí đánh giá HQKD nên các doanh nghiệp theo quan điểm này cần có nguồn lực đủ lớn để có thể theo đuổi những mục tiêu xã hội, đồng thời vẫn đảm bảo hiệu quả kinh tế. Chính vì vậy, quan điểm HQKD tích hợp cả hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội sẽ phù hợp hơn với những doanh nghiệp lớn, những doanh nghiệp nhà nước và những doanh nghiệp xã hội.

3. Quan điểm về hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp khai thác than Việt Nam

3.1. Đặc điểm của các doanh nghiệp khai thác than Việt Nam quyết định cách tiếp cận quan điểm hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp khai thác than

- Các doanh nghiệp khai thác than phải thực hiện mục tiêu kinh tế và đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ xã hội do Nhà nước đặt ra.

Các doanh nghiệp khai thác than Việt Nam

chủ yếu là các doanh nghiệp khai thác than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (TKV) và chịu sự chi phối rất lớn của các cơ quan quản lý nhà nước và TKV, do tài nguyên than thuộc quyền quản lý của Nhà nước và TKV được giao nhiệm vụ thay mặt Nhà nước quản lý tài nguyên than. Chính vì vậy, hoạt động của các doanh nghiệp khai thác than Việt Nam chịu sự chi phối rất lớn từ Nhà nước và TKV. Quyết định về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch phát triển ngành than đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030 (QĐ số 403/2016/QĐ-TTg) có đưa ra một số quan điểm phát triển ngành than, như: khai thác, chế biến, sử dụng có hiệu quả và tiết kiệm nguồn tài nguyên than của đất nước; đóng góp tích cực vào việc bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia; ưu tiên đáp ứng nhu cầu trong nước; phát triển bền vững, đáp ứng lâu dài nhu cầu sử dụng trong nước, phát triển ngành than gắn liền với bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái vùng than. Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2017-2020 (2006/2017QĐ-TTg) cũng nhấn mạnh, TKV phải "vừa đảm bảo lợi ích của Chủ sở hữu, vừa đảm bảo lợi ích của người lao động và cộng đồng nhằm phát triển bền vững". Vì các quan điểm phát triển ngành than và phát triển TKV đều hướng tới việc đảm bảo lợi ích kinh tế và lợi ích xã hội, nên các doanh nghiệp khai thác than khi triển khai hoạt động kinh doanh cũng phải đáp ứng đồng thời mục tiêu phát triển kinh tế và đảm bảo thực hiện các mục tiêu xã hội do nhà nước đặt ra như ưu tiên đáp ứng nhu cầu than cho các hộ tiêu thụ than trong nước (điện, giấy, xi măng, phân bón...), bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái vùng than... Đặc điểm này của doanh nghiệp khai thác than cho thấy nếu chỉ đánh giá HQKD của doanh nghiệp từ một khía cạnh hiệu quả kinh tế là không phù hợp và không công bằng với các doanh nghiệp khai thác than mà còn phải đánh giá cả những hiệu quả xã hội mà doanh nghiệp tạo ra. Chính vì vậy, quan điểm HQKD của doanh nghiệp khai thác than cần được tiếp cận từ góc độ tích hợp hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội.

- Các doanh nghiệp khai thác than có tác động lớn tới môi trường và các vấn đề xã hội

Các doanh nghiệp khai thác than thường là những doanh nghiệp có quy mô lớn, với số vốn hầu hết lên tới hàng nghìn tỷ đồng và tạo ra doanh thu hàng nghìn tỷ đồng và số lao động đều ở mức trên nghìn người¹. Với quy mô lớn như vậy, các doanh nghiệp khai thác than có nhiều tác động tích cực đến cộng đồng thông qua đóng góp cho ngân sách nhà nước và địa phương; xây dựng cơ sở hạ tầng; sử dụng số lượng lao động lớn, đảm bảo thu nhập cho người lao động và đào tạo nâng cao trình độ nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu khai thác... Tuy nhiên, bên cạnh các tác động tích cực, hoạt động khai thác than luôn tiềm ẩn rất nhiều rủi ro đối với người lao động và cộng đồng xung quanh. Người lao động phải làm việc trong điều kiện chật hẹp và nguy cơ cháy nổ cao nếu không làm tốt công tác an toàn... Bên cạnh đó, hoạt động khai thác than gây biến đổi địa hình, mất đa dạng sinh học, gây ô nhiễm đất, nước và không khí nếu các doanh nghiệp không có biện pháp xử lý kịp thời... Chính vì vậy, các doanh nghiệp khai thác than bên cạnh việc nỗ lực để đạt được lợi ích kinh tế, các doanh nghiệp cũng phải nỗ lực để đảm bảo lợi ích của người lao động, xã hội và hạn chế tác động tới môi trường. Việc các doanh nghiệp nỗ lực đảm bảo lợi ích cho các bên liên quan không những không làm giảm hiệu quả kinh tế của doanh nghiệp mà ngược lại còn tạo ra hiệu quả kinh tế bền vững cho doanh nghiệp nhờ giữ chân được lao động lành nghề, giảm các chi phí phát sinh từ các rủi ro gây ra bởi hoạt động khai thác than như chi phí khắc phục ô nhiễm môi trường, đền bù cho người lao động bị tai nạn... Đặc điểm này định hướng quan điểm HQKD của doanh nghiệp khai thác than cần được tiếp cận từ góc độ tích hợp hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội.

- Hoạt động khai thác than phụ thuộc nhiều vào điều kiện địa chất, tự nhiên.

Hoạt động khai thác khoáng sản nói chung và khai thác than nói riêng phụ thuộc nhiều vào điều kiện địa chất tự nhiên. Một doanh nghiệp khai thác than có kết quả tốt đôi khi không phải là do sự cải tiến về trình độ quản lý hay công nghệ mà đơn

thuần là do doanh nghiệp đó gặp được điều kiện khai thác thuận lợi cũng như mỏ có trữ lượng lớn, hoặc ngược lại. Chính vì vậy, việc so sánh HQKD giữa các doanh nghiệp khai thác than là khó thực hiện do điều kiện địa chất tự nhiên giữa các doanh nghiệp là khác nhau. Việc so sánh giữa HQKD giữa các thời kỳ khác nhau của một doanh nghiệp cũng khó thực hiện được do điều kiện khai thác của doanh nghiệp cũng có sự khác nhau rất lớn giữa các thời kỳ. Vậy, để biết được doanh nghiệp có hiệu quả hay không, hoặc để phát huy được hết tiềm năng của các nguồn lực, doanh nghiệp khai thác than cần có những chiến lược và kế hoạch với những mục tiêu cụ thể. Chính vì vậy, cách xác định HQKD của doanh nghiệp khai thác than cần được tiếp cận bằng cách so sánh kết quả đạt được với mục tiêu lập ra.

3.2. Quan điểm hiệu quả kinh doanh của các doanh nghiệp khai thác than Việt Nam

Từ các phân tích trên về ảnh hưởng của một số đặc điểm của các doanh nghiệp khai thác than tới việc lựa chọn cách tiếp cận quan điểm HQKD phù hợp, bài báo đề xuất quan điểm HQKD của các doanh nghiệp khai thác than Việt Nam như sau:

HQKD của các doanh nghiệp khai thác than là phạm trù kinh tế phản ánh trình độ khai thác nguồn lực của quá trình sản xuất nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược trong kinh doanh và đảm bảo việc thực hiện các nhiệm vụ xã hội do nhà nước đặt ra trong từng thời kỳ nhất định. HQKD của các doanh nghiệp khai thác than được xác định bằng cách so sánh giữa kết quả đầu ra với mục tiêu đặt ra trước đó.

Quan điểm HQKD của doanh nghiệp khai thác than được tiếp cận từ góc độ tích hợp hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội. Đây là cách tiếp cận quan điểm HQKD theo nghĩa rộng. HQKD không chỉ là hiệu quả tài chính doanh nghiệp hay hiệu quả hoạt động bên trong doanh nghiệp, mà HQKD được hiểu là thành công của doanh nghiệp từ việc đạt được mục tiêu trong kinh doanh đồng thời với việc thực hiện tốt các nhiệm vụ xã hội do nhà nước đặt ra. Doanh nghiệp khai thác than chỉ được coi là hiệu quả khi đạt được cả mục tiêu kinh tế và mục tiêu xã hội. Cách tiếp cận này là phù hợp nhất với các doanh nghiệp khai thác than

vì các doanh nghiệp khai thác than là những doanh nghiệp mà hoạt động của nó chịu sự chi phối lớn từ nhà nước về việc thực hiện các trách nhiệm với nhà nước và cộng đồng, và hoạt động của các doanh nghiệp khai thác than có tác động mạnh tới các vấn đề xã hội. Bên cạnh đó, quan điểm HQKD của các doanh nghiệp khai thác than mà bài báo đề xuất cũng chỉ ra cách tiếp cận xác định HQKD của doanh nghiệp đó là so sánh giữa kết quả đầu ra với mục tiêu đặt ra trước đó. Quan niệm tiếp cận tính toán HQKD này phù hợp với các doanh nghiệp khai thác than do quan điểm này không những định hướng giúp doanh nghiệp tìm ra biện pháp tối ưu để đạt được mục tiêu trong kinh doanh mà còn giúp doanh nghiệp tìm ra các biện pháp để cân bằng giữa các mục tiêu kinh tế và mục tiêu xã hội của doanh nghiệp.

4. Kết luận

Bài báo đã đề xuất được quan điểm về HQKD của các doanh nghiệp khai thác than tiếp

cân từ góc độ tích hợp hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội. Để làm được điều này, bài báo phân tích làm rõ 3 cách tiếp cận quan điểm HQKD của doanh nghiệp hiện nay (tiếp cận từ góc độ tài chính, tiếp cận từ góc độ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp và tiếp cận từ góc độ tích hợp hiệu quả kinh tế và hiệu quả xã hội), nhằm làm cơ sở xác định quan điểm HQKD phù hợp với các doanh nghiệp khai thác than Việt Nam. Bên cạnh đó, bài báo cũng phân tích các đặc điểm của các doanh nghiệp khai thác than Việt Nam (bao gồm: (1) các doanh nghiệp khai thác than phải thực hiện mục tiêu kinh tế và đảm bảo thực hiện các nhiệm vụ xã hội do Nhà nước đặt ra; (2) các doanh nghiệp khai thác than có tác động lớn tới môi trường và các vấn đề xã hội; (3) hoạt động khai thác than phụ thuộc nhiều vào điều kiện địa chất, tự nhiên) tác động như thế nào tới việc lựa chọn hướng tiếp cận quan điểm HQKD ■

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN:

¹ Thống kê từ Báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo thống kê tình hình lao động - tiền lương của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam năm 2017.

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

Tiếng Việt:

1. Nguyễn Thị Minh An (2003), 'Những giải pháp chủ yếu nhằm nâng cao HQKD của Tổng công ty Bưu chính viễn thông Việt Nam', Luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế quốc dân.
2. Mai Văn Bưu (2001), *Hiệu quả và quản lý dự án nhà nước*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội.
3. Nguyễn Văn Công (2009), *Giáo trình phân tích kinh doanh*, Nhà xuất bản Giáo dục, Hà Nội.
4. Dương Văn Chung (2003), 'Nghiên cứu về hiệu quả sản xuất kinh doanh và một số giải pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp nhà nước xây dựng giao thông', Luận án tiến sĩ, Đại học Nông nghiệp 1.
5. Nguyễn Thành Dộ và Nguyễn Ngọc Huyền (2001), *Quản trị kinh doanh tổng hợp*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.
6. Nguyễn Thị Thanh Hải (2013), "Hoàn thiện hệ thống chỉ tiêu đánh giá HQKD trong các doanh nghiệp xây dựng công trình giao thông thuộc Bộ GTVT", Luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế quốc dân.
7. Nguyễn Thị Mai Hương (2008), "Phân tích HQKD của các doanh nghiệp khai thác khoáng sản", Luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế quốc dân.
8. Phạm Ngọc Kiểm (2002), *Thống kê doanh nghiệp*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội.

9. Bài Xuân Phong (1999), *Phân tích hoạt động kinh doanh bưu chính viễn thông*, Nhà xuất bản Giao thông, Hà Nội.

10. Nguyễn Văn Tạo (2004), "Biện pháp nâng cao HQKD của các doanh nghiệp dệt may Việt Nam", *Luận án Tiến sĩ Đại học Thương mại*.

11. Nguyễn Ngọc Tiến (2015), "Nghiên cứu hệ thống chỉ tiêu phân tích hiệu quả hoạt động tại các doanh nghiệp kinh doanh du lịch trên địa bàn tỉnh Bình Định", *Luận án tiến sĩ, Đại học Kinh tế quốc dân*.

Tiếng Anh:

12. Folan Paul, Jim Browne và Harinder Jugdev (2007), *Performance. Its meaning and content for today's business research*, *Tạp chí Computers in industry*, Số 58(7), Trang: 605-620.

13. Zulkifli Siti Nur 'Atakah (2014), *Business Performance for SMEs: Subjective or Objective Measures?*, *Tạp chí Review of Integrative Business and Economics Research*, Số 3 (1), Trang. 371 - 401.

Ngày nhận bài: 14/2/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 24/2/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 6/3/2019

Thông tin tác giả:

PHẠM THU TRANG

Trường Đại học Mở - Địa chất

DISCUSSING THE BUSINESS EFFICIENCY OF VIETNAM'S COAL MINING ENTERPRISES

● **PHAM THU TRANG**

Hanoi University of Mining and Geology

ABSTRACT:

The article analyzed and clarified views about the business efficiency according to three different approaches namely, financial approach, business activities approach and socio-economic efficiency integration approach in order to propose an appropriate business efficiency view for Vietnam's coal mining enterprises. After analyzing how the characteristics of coal mining enterprises affect the approach to business efficiency view, the article proposed and clarified the business efficiency view which is suitable to Vietnamese coal mining enterprises. In this article, the business efficiency view of Vietnamese coal mining enterprises was examined in the terms of socio-economic efficiency integration approach.

Keywords: Business efficiency, coal mining enterprises.